| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 966/2018/QĐST-HNGĐ | *Thủ Đức, ngày 06 tháng 9 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 743/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa người yêu cầu:

1. Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1994. Cư trú thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Đậu Tuấn K, sinh năm 1983. Cư trú số 37/2, đường X, khu phố Y, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về áp dụng phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Lê Thị Bích T và ông Đậu Tuấn K được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, bà Lê Thị Bích T và ông Đậu Tuấn K không có thay đổi về sự thỏa thuận.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1.1 Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1994.

1.2 Ông Đậu Tuấn K, sinh năm 1983.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2013, ngày 23/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk).

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị Bích T và ông Đậu Tuấn K cụ thể như sau:

2.1 Ông Đậu Tuấn K trực tiếp nuôi dưỡng con tên Đậu Đức A, sinh ngày 12/12/2012; bà Lê Thị Bích T không cấp dưỡng nuôi Đậu Đức A.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm, chăm, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2.2 Bà Lê Thị Bích T và ông Đậu Tuấn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản có chung - tài sản nợ chung.

2.3 Bà Lê Thị Bích T và ông Đậu Tuấn K phải nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0022155 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND xã E, Huyện C;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Quang Hiền**